TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 217/2020/HS-PT
Ngày 26 - 8- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cầu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 205/2020/HSPT ngày 20/7/2020, đối với bị cáo Nguyễn Quang T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức",* do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2020/HS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Quang T** (tên thường gọi: Đen), sinh năm 1981, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Số 02 N, tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn lớp: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; có vợ là: Lê Thị Ngọc D (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 18/11/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh đến nay, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị T3, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn H; Nơi cư trú: Đường A, tổ dân phố 11, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Bá T; Nơi cư trú: đường H, tổ dân phố 1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Ngọc D; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02 năm 2018, ông Nguyễn Văn H cầm cố chiếc ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER XLT, biển số (BS): 47C – 124.06 của mình tại tiệm cầm đồ TT (do Nguyễn Quang T là chủ) ở tại tổ dân phố 3, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để vay số tiền 250.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng. Sau khi nhận tiền, ông H giao xe ô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe (bản phô tô, có xác nhận của ngân hàng nơi thế chấp) cho T quản lý. Hết thời hạn cầm cố, T yêu cầu ông H trả tiền để lấy xe, nhưng ông H chưa có tiền trả nên T giới thiệu cho ông H mang xe ô tô đến cầm cố cho người đàn ông tên Y và Phạm Thành L (thời điểm đó L và Y mở dịch vụ bán vé máy bay tại số 378 H, phường A, thị xã B) lấy số tiền 150.000.000 đồng để trả trước cho T, nhưng xe ô tô vẫn để tại tiệm cầm đồ của T quản lý. Đến tháng 12/2018, ông H không có tiền trả nợ cho Y và L nên tránh mặt, do đó T đã đứng ra vay của một đối tượng tên C tại thành phố B số tiền 150.000.000 đồng để trả cho Y và L thay cho ông H, sau đó T lấy lại giấy vay tiền giữa ông H và nhóm của L trước đó và coi như ông H vẫn nợ T số tiền 250.000.000 đồng. Đến tháng 01/2019, C yêu cầu T trả nợ thì T không có tiền trả, nên tìm ông H yêu cầu trả nợ để lấy xe ô tô về, nhưng ông H tránh mặt. Do đó để có tiền trả nợ, T đã đặt vấn đề nhờ C làm giả giấy chứng nhận đăng ký cùng biển số xe ô tô của ông H đứng tên T, để T mang đi cầm cố lấy tiền thì được C đồng ý. Khoảng 01 tuần sau, T nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mang số 016511 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01 tháng 4 năm 2016 mang tên Nguyễn Quang T cùng 2 biển số xe ô tô 47C – 124.47 do C gửi qua đường bưu điện. Sau đó T gắn 02 biển số xe ô tô giả lên xe ô tô của ông H, sau đó T điều khiển xe ô tô này cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đến thế chấp cho ông Lê Bá T, trú tại tổ dân phố 1, phường Đ, thị xã B để vay số tiền 170.000.000 đồng, trước đó T cũng đã thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đỏ) rẫy cho ông T4 để vay 150.000.000 đồng, nên T thỏa thuận với ông T4 xin lấy lại bìa đỏ đất, chỉ thế chấp xe ô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe. Do không biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô này là giả nên ông T4 đồng ý cầm cố và cho T vay số tiền 320.000.000 đồng, số tiền này khấu trừ khoản vay trước đó là 150.000.000 đồng; còn lại 170.000.000 đồng T trả nợ cho C 150.000.000 đồng và 20.000.000 đồng chi phí C làm giấy chứng nhận đăng ký cùng biển số giả của xe ô tô. Đến ngày 01/02/2019, T đặt vấn đề và thỏa thuận bán xe ô tô này cho bà Lê Thị T3 (là con gái ông T4) với giá 440.000.000 đồng. Do trước đó T nợ bà T3 số tiền 70.000.000 đồng và đang nợ ông T4 320.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi, nên bà T3 đồng ý mua xe ô tô để khấu trừ số nợ và chị T3 có trách nhiệm trả cho ông T4 số tiền 330.000.000 đồng và đưa thêm cho T 40.000.000 đồng. Trước khi mua xe, bà T3 thấy 2 bên hông của xe vẫn còn dán đề can biển số 47C-124.06 nên thắc mắc thì T nói dối rằng: *"Xe ô tô này được tôi mua lại của người khác lâu rồi, trước đây xe có biển số 47C-124.06 nhưng thấy biển số này không hợp phong thủy nên chuyển vùng qua tỉnh Đắk Nông rồi chuyển lại tỉnh Đắk Lắk đổi biển số mới là 47C-124.47",* bà T3 tưởng thật nên đồng ý mua. Sau khi thống nhất, T cùng bà T3 đến Phòng công

chứng B làm hợp đồng mua bán xe ô tô nói trên. Ngày 14/02/2019, bà T3 điều khiển xe ô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký và hợp đồng mua bán xe ô tô đến Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk để làm thủ tục sang nhượng, thì Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cùng 02 biển số 47C-124.47 có dấu hiệu làm giả nên đã lập biên bản tạm giữ xe ô tô cùng biển số và thông báo chuyển giao hồ sơ cùng phương tiện đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ để điều tra xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định số: 237/PC09, ngày 24/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016511 ghi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk, cấp ngày 01 tháng 4 năm 2016 (ký hiệu A1) là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả; hai (02) biển số 47C – 124.47, là biển số giả.

Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS-ST ngày 12/6/2020, của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang T** 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang T** 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo **Nguyễn Quang T** phải chấp hành hình phạt là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 18/11/2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/6/2020, bị cáo Nguyễn Quang T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 45 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 24/6/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ ban hành Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKSBH: Kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 25/2020/HS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk

Lắk áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Quang T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T mức hình phạt 03 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; 07 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có phần nghiêm khắc; bị cáo Trí có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố bị cáo là người có công với cách mạng nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang T; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ để sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015; Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải chấp hành hình phạt là từ 07 năm 06 tháng đến 08 tám năm tù.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Vào ngày 01/02/2019, bị cáo đã có hành vi sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả nhãn hiệu FORD, số loại RANGER XLT, loại xe tải pickup cabin kép mang tên Nguyễn Quang T và 02 biển số xe ô tô 47C- 124.47 giả, để lừa bán chiếc xe ô tô không phải sở hữu của mình cho bà Lê Thị T3 để chiếm đoạt số tiền 440.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Quang T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan,

tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử dưới khung hình phạt cho bị cáo đối với tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Hội đồng xét xử thấy rằng, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố bị cáo là người có công với cách mạng. Tuy nhiên tính chất và hành vi của bị cáo gian dối để chiếm đoạt tài sản trị giá 440.000.000 đồng và cùng một lúc phạm nhiều tội. Do đó, cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà áp dụng mức hình phạt đầu khung cho bị cáo là phù hợp. Vì vậy, việc kháng nghị là không có căn cứ, nên HĐXX không có cơ sở để xem xét chấp nhận kháng nghị.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Như nhận định nêu trên, việc kháng cáo của bị cáo về áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2]. Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo: Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo cùng một lúc phạm nhiều tội. Do đó, kháng cáo xin được hưởng án treo là không có căn cứ đề chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có cở sở để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ và yêu cầu kháng cáo của bị cáo; mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKSBH ngày 24/6/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2020/HS-ST ngày 12/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 03 (ba) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Quang T phải chấp hành hình phạt là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2019 đến ngày 18/11/2019.

[3] Về án án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Vụ I TAND tối cao;*
- *TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);*
- *Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh Đắk lắk;*
- *TAND TX. Buôn Hồ;*
- *VKSND TX. Buôn Hồ;*
- *Công an TX. Buôn Hồ;*
- *Chi cục THADS TX. B;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn